

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HS-ST
Ngày: 02-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông La Văn Châu.

Ông Nguyễn Long Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương
tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh
Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:
20/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 28/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Trung T, sinh năm 1985 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký hộ khẩu
thường trú: ấp T, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ
học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt
Nam; con ông Trần Văn D và bà Lê Thị C; có vợ là Nguyễn Thị Cẩm L và 01 con;
tiền án: không; tiền sự: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào
cơ sở cai nghiện bắt buộc số 37/QĐ-TA ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Tòa án
nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương đối với Trần Trung T thời gian 14 tháng do
sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: không; bị bắt phạm tội quả tang ngày
02 tháng 11 năm 2020 và tạm giữ, đến ngày 11 tháng 11 năm 2020 tạm giam, có
mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1998; hộ khẩu thường trú: ấp C, xã V,
thành phố K, tỉnh Đồng Nai; tạm trú: khu phố B, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình
Dương, vắng mặt.

2. Anh Lê Tất T, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện B, tỉnh Bình
Dương, vắng mặt.

3. Anh Trần Văn Hoài Việt A, sinh năm 1996; nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1964; hộ khẩu thường trú: khu phố 1, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương; tạm trú: ấp T, xã N, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

5. Anh Cao Văn L, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: khu phố 1, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương; tạm trú: ấp T, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

6. Anh Cao Văn L1, sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú: khu phố 1, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương; tạm trú: ấp T, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

7. Chị Cao Thị Mỹ L, sinh năm 1997; nơi cư trú: khu phố 1, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

8. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp B, xã N, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trần Trung T là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 01 tháng 11 năm 2020, Thành điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo biển số 61G1-085.33 đến khu vực chợ N, phường G, thành phố A, tỉnh Bình Dương mua được 02 bịch nylon hàn kín chứa ma túy đá với giá 1.500.000 đồng của người đàn ông tên Tèo (không rõ lai lịch). T cất giấu 02 bịch nylon hàn kín chứa ma túy đá trong túi áo bên trái của T rồi chạy về nhà ở ấp T, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 01 tháng 11 năm 2020, T điều khiển xe mô tô biển số 61G1-085.33 mang theo 02 bịch nylon hàn kín chứa ma túy đá đến Khu Công nghiệp B thuộc thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương chở Nguyễn Thị Ngọc A đi chơi.

Vào hồi 23 giờ 30 phút ngày 01 tháng 11 năm 2020, T đang điều khiển xe mô tô biển số 61G1-085.33 chở A đến đường D5, Khu dân cư H thuộc ấp S, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương. Lúc này, Tổ tuần tra vũ trang Công an xã H kiểm tra hành chính Thành, phát hiện trong túi áo bên trái của T có 01 bịch nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng. T khai nhận, trước khi bị kiểm tra hành chính, T đã vứt 01 vỏ bao thuốc lá hiệu Jet bên trong có 01 bịch nylon hàn kín chứa ma túy đá trên đường khi phát hiện có lực lượng Công an. Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T; vụ việc được chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, T khai nhận, từ tháng 8 năm 2020 đến ngày 02 tháng 11 năm 2020, Thành nhiều lần đến khu vực chợ N, phường G, thành phố A, tỉnh Bình

Dương mua ma túy đá của người đàn ông tên Tèo (không rõ lai lịch), mục đích để T sử dụng và phân ra bán cho các đối tượng nghiện ma túy trên địa bàn huyện B, cụ thể:

- T bán cho Lê Tất T khoảng 03 đến 04 lần, mỗi lần bán 01 gói ma túy đá với giá từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, địa điểm tại lô cao su gần Ngã ba G, ấp M, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- Thành bán cho Trần Văn Hoài Việt A khoảng 04 đến 05 lần, mỗi lần 01 gói ma túy đá với giá từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, địa điểm tại lô cao su gần Ngã ba G, ấp M, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương và Khu Công nghiệp B.

- Thành bán cho Cường (không rõ lai lịch) khoảng 02 lần, mỗi lần 01 gói ma túy đá với giá 300.000 đồng, địa điểm tại đường Quốc lộ 13, thuộc thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- T bán ma túy đá cho một số đối tượng nghiện ma túy (không rõ lai lịch) trên địa bàn huyện B. Mỗi đối tượng nghiện ma túy bán 01 đến 02 lần, mỗi lần 01 gói ma túy đá với giá từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, địa điểm tại Khu Công nghiệp B.

T khai nhận bán ma túy thu lợi bất chính được số tiền 1.300.000 đồng, T đã sử dụng hết. Chị A không biết việc T tàng trữ và mua bán trái phép chất ma túy. Lời khai của T phù hợp với lời khai của chị A, anh Lê Tất T và anh Việt A.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T cũng đã thừa nhận sự việc phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, truy tố, những người tham gia tố tụng này không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Khi bắt người phạm tội quả tang, Công an xã H, huyện B dẫn T đến vị trí T vứt ma túy đá. Theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 02 tháng 11 năm 2020, Công an xã H, huyện B đã thu giữ của bị cáo T 02 bìch nylon màu trắng bên trong có chất bột màu trắng (ma túy đá) đã được niêm phong, 01 vỏ bao thuốc lá hiệu Jet, 03 túi nylon màu trắng, 01 xe mô tô hiệu Yamaha biển số 61G1-085.33, 01 điện thoại di động Samsung Note 10 (có gắn sim số 0948.767.039), 01 điện thoại di động Samsung J7 Pro (có gắn sim số 0389.583.978), số tiền 2.213.000 đồng, Giấy chứng minh nhân dân tên Trần Trung T, Giấy đăng ký xe mô tô số 004751 của xe 61G1-085.33 và 01 thẻ ATM Ngân hàng Sacombank tên Trần Trung T; thu giữ của chị A 01 điện thoại di động hiệu OPPO 1201 (có gắn sim số 0908.334.060).

Theo Biên bản khám xét ngày 02 tháng 11 năm 2020 khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo T, Công an phát hiện thu giữ: 02 gói nylon miệng kéo dính chứa chất

trình thể màu trắng, 01 đoạn nylon hàn kín chứa chất màu trắng dạng bột, 02 viên nén hình tròn trên mặt có ký hiệu chữ “AP” màu xanh, viên hình răng cưa trong đó 01 viên đựng trong gói nylon hàn lại, 01 viên để bên ngoài (tất cả được đựng trong gói nylon miệng kéo dính để trong hộp đựng tai nghe điện thoại để trên nền nhà phòng ngủ của T hướng ngoài vào phía sau phòng khách); 02 ống thủy tinh, 01 kéo kim loại để trên bàn gỗ sát tường phòng ngủ của T và 01 cân điện tử. T khai số ma túy thu giữ tại nơi ở này T cũng vừa để sử dụng và bán.

Ngày 02 tháng 11 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 10, trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương giám định khối lượng và thành phần chất ma túy trong các chất đã thu giữ của T.

Theo Kết luận giám định số 694/MT-PC09 ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Mẫu trình thể gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 4,4564 gam (M1) loại Methamphetamine. Theo Kết luận giám định số 694A/MT-PC09 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng bột, trình thể màu trắng, viên nén gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,0996 gam (M2), 0,5226 gam (M3), 1,1035 gam (M4) loại Ketamine. Mẫu vật sau giám định được niêm phong, khối lượng: 4,3346 gam (M1), 0,0928 gam (M2), 0,2623 gam (M3), Mẫu M4 phục vụ hết công tác giám định.

Methamphetamine và Ketamine là chất ma túy quy định tại Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Về xử lý vật chứng:

01 vỏ bao thuốc lá hiệu Jet, 03 túi nylon màu trắng, 02 ống thủy tinh, 01 kéo kim loại và 01 cân điện tử là vật chứng của vụ án không có giá trị nên đề nghị tịch thu và tiêu hủy.

Khối lượng ma túy loại Methamphetamine và Ketamine sau giám định là vật chứng của vụ án thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên đề nghị tịch thu và tiêu hủy.

Xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo biển số 61G1-085.33 (quá trình điều tra xác định: xe mô tô này có Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 004751 ngày 14 tháng 7 năm 2011 do Công an huyện Bến Cát cấp cho chủ xe tên Cao Văn S. Ông S chết năm 2015. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S gồm vợ là bà Nguyễn Thị S, các con của ông S và bà S là anh Cao Văn L, anh Cao Văn L1 và chị Cao Thị Mỹ L, tất cả có văn bản thỏa thuận đồng ý anh L được quyền sở hữu xe mô tô này. Ngày 04 tháng 3 năm 2020, anh L bán xe mô tô này cho anh Nguyễn Văn N; sau đó anh N bán lại cho bị cáo T, chưa sang tên sở hữu); 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 10 (có gắn sim số 0948.767.039) của bị cáo T: các vật chứng này là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 19 tháng 02 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro gắn sim số, 01 Giấy chứng minh nhân dân và 01 thẻ ATM Ngân hàng Sacombank mang tên Trần Trung T và số tiền 2.213.000 đồng.

Theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 22 tháng 02 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã trả lại cho chị A 01 điện thoại di động hiệu OPPO 1201 có gắn sim số.

Theo Biên bản làm việc ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng, bị cáo T đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 2.213.000 đồng để đảm bảo xét xử và thi hành án.

Số tiền 1.300.000 đồng thu lợi bất chính từ việc bán ma túy, bị cáo T đã sử dụng hết nên tịch thu số tiền 1.300.000 đồng của bị cáo T để nộp ngân sách nhà nước.

Đối với hành vi của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị A, anh Lê Tất T và anh Việt A, Công an huyện Bàu Bàng đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Các đối tượng tên Tèo và Cương, khi nào xác minh rõ nhân thân lý lịch sẽ xử lý sau.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên và bị cáo T không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa; quá trình điều tra, truy tố, những người tham gia tố tụng này không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 19/CT-VKS ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Trung T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, điểm p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt: áp dụng điểm b, điểm p khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thành từ 08 năm đến 09 năm tù.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu và tiêu hủy: 01 vỏ bao thuốc lá hiệu Jet, 03 túi nylon màu trắng, 02 ống thủy tinh, 01 kéo kim loại và 01 cân điện tử không có giá trị; khối lượng ma túy loại Methamphetamine và Ketamine sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước của bị cáo T 01 xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo biển số 61G1-085.33 (kèm Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 004751) và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 10 (có gắn sim số

0948.767.039): các vật chứng này là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước của bị cáo T số tiền 1.300.000 đồng thu lợi bất chính từ việc bán ma túy, trừ vào số tiền bị cáo T đã tự nguyện giao nộp là 2.213.000 đồng; số tiền còn lại 913.000 đồng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, bị cáo T không tranh luận gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo biết sai, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng hình phạt nhẹ để bị cáo sớm trở về đời lo cho con và cha mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị A, anh Lê Tất T, anh Việt A, bà S, anh L, anh L1, chị L và anh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng không trở ngại cho việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[1.2] Danh bản (bút lục số 66) và Chỉ bản (bút lục số 67) của bị cáo do Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng thu thập trong quá trình điều tra không có mã vạch tại nơi dán mã vạch của Danh bản và Chỉ bản là không đúng theo biểu mẫu số 186 và biểu mẫu số 187 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự; đây là thiếu sót cần khắc phục trong quá trình điều tra, truy tố những vụ án sau này.

[1.3] Đối với các hành vi, quyết định tố tụng khác trong vụ án đã được Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình tố tụng, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng này là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận:

Vào hồi 23 giờ 30 phút ngày 01 tháng 11 năm 2020, tại ấp S, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo có hành vi cất giấu 02 bịch nylon hàn kín chứa ma túy là Methamphetamine. Vào hồi 10 giờ ngày 02 tháng 11 năm 2020, khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo tại ấp T, xã N, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo có hành vi cất giấu 02 gói nylon miệng kéo dính chứa ma túy, 01 đoạn nylon hàn kín chứa ma túy và 02 viên nén hình tròn trên mặt có ký hiệu chữ “AP” màu xanh viền hình răng cưa, tất cả là Ketamine. Số ma túy này bị cáo cất giấu mục đích để sử dụng và bán lại cho đối tượng nghiện ma túy. Từ tháng 8 năm 2020 đến ngày 02 tháng 11 năm 2020, bị cáo đã nhiều lần mua ma túy về bán lại cho người nghiện ma túy trên địa bàn huyện B, tổng số tiền thu lợi là 1.300.000 đồng.

Qua trưng cầu giám định chất ma túy xác định, chất tinh thể màu trắng, chất màu trắng dạng bột và 02 viên nén hình tròn thu giữ của bị cáo T là ma túy, có khối lượng 4,4564 gam (M1) loại Methamphetamine; 0,0996 gam (M2), 0,5226 gam (M3) và 1,1035 gam (M4) loại Ketamine. Tổng khối lượng các chất ma túy là 6,1821 gam.

Methamphetamine và Ketamine là chất ma túy quy định tại Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Xét lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Do bị cáo phạm tội 02 lần trở lên; có hai chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng của các chất đó tương đương với khối lượng chất ma túy quy định tại điểm i và điểm n khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Cáo trạng truy tố bị cáo theo điểm b và điểm p khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn là nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn về ma túy và các tệ nạn xã hội khác, gây nhức nhối cho mỗi gia đình và toàn xã hội. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn cần thiết.

[4] Trong vụ án này, bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (Methamphetamine và Ketamine) nhằm sử dụng và bán trái phép cho các đối tượng nghiện để thu lợi. Bị cáo trực tiếp mua ma túy và phân nhỏ ra bán lại cho các đối tượng nghiện (anh Lê Tất T khoảng 03 lần đến 04 lần, anh Việt A khoảng 04 lần đến 05 lần, đối tượng tên Cương khoảng 02 lần, một số đối tượng nghiện ma túy khác, mỗi đối tượng khoảng 01 lần đến 02 lần), tổng số tiền bị cáo thu lợi là 1.300.000 đồng. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, ngang nhiên đưa ma túy vào đời sống xã hội, gây khó khăn cho việc đấu tranh phòng, chống tội phạm của Nhà nước ta. Bị cáo có tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chưa được xóa tiền sự nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, cố gắng cai nghiện, tu dưỡng bản thân mà lại tái nghiện và phạm tội. Hội đồng xét xử quyết định xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội cũng như để răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo tự thú những hành vi phạm tội trước của mình mà chưa bị phát hiện; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm r và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt tù đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận; quyết định cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu và tiêu hủy vật chứng là vật cấm tàng trữ là chất ma túy Methamphetamine và Ketamine (04 bì thư được niêm phong ghi số 694 (M1, M2, M3, M4)/PC09 có hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương bên trong chứa 4,3346 gam Methamphetamine (M1), 0,0928 gam Ketamine (M2), 0,2623 gam Ketamine (M3), Mẫu M4 phục vụ hết công tác giám định).

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội gồm 01 xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo biển số 61G1-085.33, số khung: BY367002, số máy: 5P11-367016 (kèm Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 004751 ngày 14 tháng 7 năm 2011 do Công an huyện Bến Cát cấp cho chủ xe tên Cao Văn S) và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 10 của bị cáo T.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.300.000 đồng do phạm tội mà có của bị cáo T, trừ vào số tiền bị cáo T đã tự nguyện giao nộp là 2.213.000 đồng; số tiền còn lại 913.000 đồng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu và tiêu hủy vật chứng không có giá trị là 01 vỏ bao thuốc lá hiệu Jet, 03 túi nylon màu trắng, 02 ống thủy tinh, 01 kéo kim loại và 01 cân điện tử không có giá trị của bị cáo T.

[8] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị A, anh Lê Tất T và anh Việt A, Công an huyện Bàu Bàng đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, xét phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối tượng tên Tèo và Cương, khi nào xác minh rõ nhân thân lý lịch sẽ xử lý sau.

[10] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b và điểm p khoản 2 Điều 251, điểm r và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Trần Trung T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Trung T 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02 tháng 11 năm 2020.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu và tiêu hủy 04 bì thư được niêm phong ghi số 694 (M1, M2, M3, M4)/PC09 có hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương bên trong chứa 4,3346 gam Methamphetamine (M1), 0,0928 gam Ketamine (M2), 0,2623 gam Ketamine (M3), Mẫu M4 phục vụ hết công tác giám định.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo biển số 61G1-085.33, số khung: BY367002, số máy: 5P11-367016 (kèm Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 004751 ngày 14 tháng 7 năm 2011 do Công an huyện Bến Cát cấp cho chủ xe tên Cao Văn S) và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 10 của bị cáo Trần Trung T.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng) của bị cáo Trần Trung T, trừ vào số tiền bị cáo Trần Trung T đã nộp là 2.213.000 đồng (hai triệu hai trăm mười ba nghìn đồng) theo Giấy nộp tiền ngày 23 tháng 4 năm 2021 nộp vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh B; số tiền còn lại 913.000 đồng (chín trăm mười ba nghìn đồng) tạm giữ của bị cáo Trần Trung T để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu và tiêu hủy 01 vỏ bao thuốc lá hiệu Jet, 03 túi nylon màu trắng, 02 ống thủy tinh, 01 kéo kim loại và 01 cân điện tử của bị cáo Trần Trung T.

(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương).

Về án phí: căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Công thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

Huỳnh Kim Xuyên